

Bản án số: 478/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

***1. Nguyên đơn:***

Bà Lương Thị T, sinh năm 1972 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:***

Ông Nguyễn M, sinh năm 1963 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 01 tháng 4 năm 2020 và bản tự khai nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:*

Bà T và ông Nguyễn M chung sống với nhau có làm đăng ký kết hôn ngày

30/11/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do đôi bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm tinh thần bà T bị khủng hoảng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông M hay hung hăng chửi bới vợ con, không tôn trọng cha mẹ vợ, không lo đi làm kiếm tiền mà còn tiêu xài phung phí, gây nợ nần khiến bà T phải gánh chịu trả thay, hiện ông M đã bỏ nhà đi đâu không thể liên lạc được.

Đến nay, bà T nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa. Nên bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn TM sinh ngày 09/5/2012. Khi ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi trẻ TM, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

*\* Bị đơn ông Nguyễn M:*

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ, do ông M vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải; vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

#### *[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*

Xét đơn khởi kiện ly hôn của bà T với ông M là quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình và do ông M cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự*

Bà T khởi kiện ông M để yêu cầu ly hôn, nên bà T tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn và ông M bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*

Tòa án nhân dân Quận 10 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn ông M, nhưng bị đơn ông M vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về phía nguyên đơn bà T cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông M là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 163, quyển số 01/2012 ngày 30/11/2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà Lương Thị T và ông Nguyễn M là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng đối với ông M không còn, đặt yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo bà T khai bà và ông M chung sống với nhau không phù hợp về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, ông M đã bỏ nhà đi đâu không thể liên lạc được. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, xin được ly hôn. Về phía ông M trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông M cũng không đến Tòa để hòa giải, giải quyết việc ly hôn qua đó chứng tỏ tình cảm của ông M đối với bà T cũng

không còn, nên ông M cũng không tha thiết gì đến cuộc sống hôn nhân đang tồn tại, là có cơ sở phù hợp với lời khai của bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, nếu cuộc sống hôn nhân của bà T và ông M có tiếp tục tồn tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà T, xét xử cho bà T được ly hôn với ông M là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Theo bà T khai có 01 con chung tên Nguyễn TM, sinh ngày 09/5/2012. Khi ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi trẻ TM, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Ông M thì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng. Trong khi đó bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ TM là xin được ở với Mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ TM cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giao trẻ TM cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Theo bà T khai không có, nên không có gì giải quyết.

- *Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà T chịu theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn M;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn M.

1.2. Về con chung: Bà Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn TM, sinh ngày 09/5/2012. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lương Thị T không yêu cầu.

Ông Nguyễn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ: Theo bà Lương Thị T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nguyên đơn bà Lương Thị T chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn bà Lương Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0014646 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bà Lương Thị T và ông Nguyễn M không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- THADS Q.10;
- UBND PBQM để ghi chú vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Chính**